

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP THEO TIẾP CẬN NĂNG LỰC CỦA HỌC SINH CÁC TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ Ở TỈNH BÌNH PHƯỚC

Nguyễn Văn Đệ¹ và Phạm Thị Bích Thủy^{2,3*}

¹Trường Đại học Đồng Tháp

²Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở
và Trung học phổ thông Điều Ong, tỉnh Bình Phước

³Học viên cao học, Trường Đại học Đồng Tháp

*Tác giả liên hệ: phambichthuyabc@gmail.com

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 28/10/2023; Ngày nhận chỉnh sửa: 06/11/2023; Ngày duyệt đăng: 07/11/2023

Tóm tắt

Quản lý hoạt động học tập của học sinh là tạo cho người dạy và người học một sự liên kết chặt chẽ, không những bởi cơ chế hoạt động của tổ chức mà còn bởi hoạt động của chính bản thân giáo viên và học sinh (Thiều Văn Nam, 2020). Bài viết trình bày kết quả đánh giá thực trạng quản lý hoạt động học tập theo hướng tiếp cận năng lực của học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú ở tỉnh Bình Phước nhằm đáp ứng Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Từ khóa: *Quản lý hoạt động học tập, tiếp cận năng lực người học, trường phổ thông dân tộc nội trú.*

DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.12.03S.2023.1166>

Trích dẫn: Nguyễn Văn Đệ và Phạm Thị Bích Thủy. (2023). Thực trạng quản lý hoạt động học tập theo tiếp cận năng lực của học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú ở tỉnh Bình Phước. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 12(03S), 257-267.

CURRENTLY MANAGING STUDENT LEARNING ACTIVITIES BASED ON COMPETENCIES IN SCHOOLS UNIVERSAL ETHNIC BOARDING IN BINH PHUOC PROVINCE

Nguyen Van De¹ and Pham Thi Bich Thuy^{2,3*}

¹Dong Thap University

²Dieu Ong Ethnic Boarding Secondary - High School, Binh Phuoc province

³Postgraduate, Dong Thap University

Email: phambichthuypbc@gmail.com

Article history

Received: 28/10/2023; Received in revised form: 06/11/2023; Accepted: 07/11/2023

Abstract

Managing student learning activities is to create a close teacher-learner connection, not only by the operating mechanism of the organization but also by the activities of teachers and students themselves (Thieu Van Nam, 2020). This study will evaluate the current status of managing student learning activities based on competencies in ethnic minority boarding schools in Binh Phuoc province to meet the 2018 general education program.

Keywords: *Access learners' abilities, ethnic minority boarding schools, manage learning activities.*

1. Đặt vấn đề

Bình Phước là một tỉnh thuộc miền Đông Nam Bộ. Tính đến hết năm 2022, dân số của tỉnh ước khoảng 1.034.667 người (theo báo cáo của Cục Thống kê tỉnh Bình Phước). Trên địa bàn tỉnh Bình Phước có 41 thành phần dân tộc thiểu số sinh sống. Tổng số người dân tộc thiểu số là 195.635 người, chiếm 19,67% dân số cả tỉnh. Trong đó, thành phần dân tộc thiểu số chính là Dân tộc S'tiêng: 96.649 người; Dân tộc Khmer: 19.315 người; Dân tộc Mnông: 10.879 người; Dân tộc Tày: 24.862 người; Dân tộc Nùng: 23.917 người;... Hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT) ở tỉnh Bình Phước hiện có 7 trường với hơn 2.000 học sinh (HS) người dân tộc thiểu số đang học ở các cấp học. (Cổng Thông tin điện tử tỉnh Bình Phước, 2023).

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương, chính sách phù hợp với mục đích ổn định và phát triển toàn diện cho đồng bào dân tộc thiểu số trong cả nước nói chung và tỉnh Bình Phước nói riêng, đặc biệt quan tâm phát triển nguồn nhân lực đối với đồng bào dân tộc thiểu số miền núi thông qua các văn bản của Quốc hội, trong đó điển hình như: Nghị định số 49/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 134/2006/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ quy định Chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” giúp đồng bào dân tộc nâng cao trình độ, nghề nghiệp, tạo việc làm ổn định cuộc sống; Quyết định 449/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020. Đặc biệt, Nghị quyết 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo, nhấn mạnh dạy học từ truyền thụ kiến thức sang phát triển năng lực và phẩm chất của người học; và việc học tập, rèn luyện có vai trò hết sức quan trọng trong việc phát triển năng lực và phẩm chất của HS. Hoạt động học tập (HĐHT), rèn luyện của HS có ý nghĩa to lớn đối với kỹ năng học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập sau này. (Ban Chấp hành Trung ương, 2013).

Đối với HĐHT của HS các trường PTDTNT ở tỉnh Bình Phước những năm gần đây có nhiều cố gắng đáng ghi nhận, đóng góp tích cực vào việc nâng cao chất lượng học tập của HS phổ thông nói chung. Tuy nhiên, chất lượng giáo dục đại trà trong các trường phổ thông hiện tại được các cấp quản lý giáo dục đánh giá là chưa theo kịp các khu vực khác trên cả nước. Đặc biệt, chất lượng giáo dục ở các trường PTDTNT trên địa bàn tỉnh theo đánh giá là đang yếu và năng lực học tập của HS còn nhiều hạn chế, chứng tỏ HĐHT của HS ở các trường PTDTNT trong tỉnh chưa mang lại hiệu quả cao. Vì vậy, để có cơ sở đề xuất biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý HĐHT của HS các trường PTDTNT ở tỉnh Bình Phước đáp ứng Chương trình giáo dục phổ thông (GDPT) 2018, chúng tôi thực hiện nghiên cứu đánh giá thực trạng quản lý HĐHT theo tiếp cận năng lực (TCNL) của HS các trường PTDTNT ở tỉnh Bình Phước.

2. Nội dung

2.1. Khái quát về tổ chức khảo sát thực trạng

Mục tiêu khảo sát: Thu thập đầy đủ thông tin khoa học nhằm phản ánh đúng đặc điểm, tính chất, mức độ, bảo đảm độ tin cậy qua phiếu khảo sát; đồng thời, đánh giá khách quan thực trạng quản lý HĐHT của HS các trường PTDTNT ở tỉnh Bình Phước theo hướng TCNL người học.

Nội dung khảo sát: Khảo sát về kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá, về điều kiện,

phương tiện, cách thức phối hợp các lực lượng tham gia quản lý HĐHT của HS các trường PTDTNT ở tỉnh Bình Phước theo hướng TCNL.

Khách thể và địa bàn khảo sát: Đối tượng khảo sát gồm 15 CBQL, 55 GV, 144 HS tại các trường các trường PTDTNT ở tỉnh Bình Phước.

Phương pháp khảo sát: Tập huấn cho cộng tác viên trước khi tham gia khảo sát; đồng thời, phỏng vấn sâu nhận thức các khách thể nghiên cứu về hình thức, phương pháp, phương tiện, điều kiện, những thuận lợi, khó khăn và xác định nguyên nhân trong quá trình triển khai quản lý HĐHT của HS các trường PTDTNT ở tỉnh Bình Phước.

Cách thức xử lý số liệu khảo sát: Sử dụng phiếu điều tra với thang đo có 04 mức từ 1 đến 4; khoảng cách giữa các thang đo là 0,75 được tính theo công thức $[(\max - \min)/n]$. Theo đó, thang đo được tính theo điểm trung bình (ĐTB) gồm bốn mức độ: (i) Mức 1: $1,0 \leq \text{ĐTB} \leq 1,75$; (ii) Mức 2: $1,75 < \text{ĐTB} \leq 2,50$; (iii) Mức 3: $2,50 < \text{ĐTB} \leq 3,25$; (iv) Mức 4: $3,25 < \text{ĐTB} \leq 4,00$. (Nguyễn Văn Đệ và Phạm Minh Hùng, 2013).

2.2. Thực trạng quản lý hoạt động học tập của học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú ở tỉnh Bình Phước

2.2.1. *Thực trạng quản lý thực hiện nội dung học tập theo tiếp cận năng lực của học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú ở tỉnh Bình Phước*

Bảng 1. Đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh về thực trạng quản lý thực hiện nội dung học tập theo tiếp cận năng lực

Nội dung	Khách thể	Kết quả thực hiện					ĐTB chung	Thứ bậc
		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu	ĐTB		
1. Xây dựng kế hoạch thực hiện nội dung học tập	CBQL	2	1	12	0	2,33	2,51	4
	GV	8	22	25	0	2,69		
2. Tổ chức triển khai thực hiện nội dung học tập	CBQL	3	2	10	0	2,53	2,57	2
	GV	7	19	29	0	2,60		
3. Chỉ đạo thực hiện nội dung học tập	CBQL	3	2	10	0	2,53	2,52	3
	GV	6	15	33	0	2,50		
4. Kiểm tra thực hiện nội dung học tập	CBQL	1	0	14	0	2,13	2,40	5
	GV	7	23	25	0	2,67		
5. Đánh giá, cải tiến thực hiện nội dung học tập	CBQL	3	2	10	0	2,53	2,58	1
	GV	9	17	29	0	2,64		

Thành tố “*Đánh giá, cải tiến thực hiện nội dung học tập*”, là nội dung được đánh giá cao nhất xếp thứ nhất với ĐTB chung là 2,58 đạt mức 3 (mức khá). Trong đó, đội ngũ CBQL đánh giá đạt ĐTB là 2,53 đạt mức 3, ĐTB đánh giá của đội ngũ GV là 2,64 đạt mức 3. Nhìn chung, nội dung đánh giá đạt mức khá; Thành tố “*Kiểm tra thực hiện nội dung học tập*”, được đánh giá thấp nhất xếp thứ 5 với ĐTB chung là 2,40 đạt mức 3. Trong đó, đội ngũ CBQL đánh giá đạt ĐTB là 2,13 đạt mức 2, ĐTB đánh giá của đội ngũ GV là 2,67 đạt mức 3.

Để làm rõ vấn đề này, chúng tôi trao đổi với bà L.B.T - Phó Hiệu trưởng của một trường PTDTNT trên địa bàn tỉnh Bình Phước, như sau: “*Căn cứ vào thời gian thực hiện năm học, học tập, Phó Hiệu trưởng và Tổ trưởng chuyên môn cùng nhau thảo luận xây dựng nội dung chương trình dạy học, do thực hiện song song 02 chương trình: Chương trình GDPT 2018 và Chương trình giáo dục 2006 cho khối 9, 11 và 12 dẫn đến việc phổ biến các nội dung chưa thống nhất.*”

Như vậy, qua kết quả khảo sát ở bảng 1 kết hợp với phỏng vấn việc quản lý thực hiện nội dung học tập theo TCNL của HS ở trường PTDTNT được đánh giá chỉ đạt mức khá, thậm chí có những mục tiêu đánh giá ở mức trung bình. Vì vậy, người CBQL cần có biện pháp đổi mới kế hoạch hóa, triển khai đồng bộ các nội dung học tập theo TCNL cho HS góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

2.2.2. *Thực trạng quản lý sử dụng phương pháp học tập theo tiếp cận năng lực của học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú ở tỉnh Bình Phước*

Bảng 2. Đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh về thực trạng quản lý sử dụng phương pháp học tập theo tiếp cận năng lực

Nội dung	Khách thể	Kết quả thực hiện				ĐTB chung	Thứ bậc	
		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu			ĐTB
1. Xây dựng kế hoạch lựa chọn các phương pháp học tập	CBQL	2	3	10	0	2,47	2,56	1
	GV	9	18	28	0	2,65		
2. Tổ chức thực hiện các phương pháp học tập	CBQL	2	2	11	0	2,40	2,55	2
	GV	8	23	24	0	2,71		
3. Chỉ đạo thực hiện đổi mới phương pháp học tập	CBQL	2	2	11	0	2,40	2,54	3
	GV	8	21	26	0	2,67		
4. Kiểm tra việc thực hiện các phương pháp học tập	CBQL	2	1	12	0	2,33	2,48	5
	GV	6	22	27	0	2,62		
5. Động viên, khích lệ HS sử dụng phương pháp học tập theo xu hướng đổi mới	CBQL	3	2	10	0	2,53	2,54	4
	GV	6	17	31	0	2,54		

Thành tố “*Xây dựng kế hoạch lựa chọn các phương pháp học tập*”, được đánh giá cao nhất xếp thứ nhất với ĐTB chung là 2,56 đạt mức 3. Trong đó, đội ngũ CBQL đánh giá đạt ĐTB là 2,47 đạt mức 3, ĐTB đánh giá của đội ngũ GV là 2,65 đạt mức 3. Tựu chung lại nội dung đánh giá đạt mức 3; Thành tố “*Kiểm tra việc thực hiện các phương pháp học tập*”, được đánh giá thấp nhất xếp thứ 5 với ĐTB chung là 2,48 đạt mức 3. Trong đó, đội ngũ CBQL đánh giá đạt ĐTB là 2,33 đạt mức 2, ĐTB đánh giá của đội ngũ GV là 2,62 đạt mức 3.

Để làm rõ vấn đề này, chúng tôi đã trao đổi với ông L.D.T, Phó Hiệu trưởng của một trường

PTDNTN trên địa bàn tỉnh Bình Phước, như sau: “*Để thực hiện hoạt động dạy học theo TCNL cho HS nói chung và đối với HS trường PTDNTN nói chung là việc làm cần thiết nhằm phát huy năng lực sáng tạo và phát triển toàn diện HS. Thực tế, các trường còn gặp khó khăn về điều kiện cơ sở vật chất, HS là người dân tộc chiếm đa số, năng lực của đội ngũ còn hạn chế, vì vậy việc triển khai thực hiện các phương pháp hiện đại chưa khả thi.*”

Như vậy, qua kết quả khảo sát ở bảng 2 và kết hợp với phỏng vấn việc quản lý sử dụng phương pháp học tập theo TCNL của HS ở trường PTDNTN được đánh giá chỉ đạt mức khá, thậm chí có những mục tiêu đánh giá ở mức trung bình. Vì vậy, người CBQL cần có biện pháp đổi mới phương pháp giảng dạy phù hợp với điều kiện thực tế của từng trường.

2.2.3. *Thực trạng quản lý hình thức tổ chức học tập theo tiếp cận năng lực của học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú ở tỉnh Bình Phước*

Bảng 3. Đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh về thực trạng quản lý hình thức tổ chức học tập theo tiếp cận năng lực

Nội dung	Khách thể	Kết quả thực hiện					ĐTB chung	Thứ bậc
		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu	ĐTB		
1. Xây dựng kế hoạch chọn các hình thức tổ chức học tập	CBQL	2	3	10	0	2,47	2,55	1
	GV	9	17	29	0	2,64		
2. Tổ chức thực hiện các hình thức tổ chức học tập	CBQL	2	1	12	0	2,33	2,51	3
	GV	8	22	25	0	2,69		
3. Chỉ đạo thực hiện các hình thức tổ chức học tập	CBQL	2	2	11	0	2,40	2,50	4
	GV	7	19	29	0	2,60		
4. Kiểm tra thực hiện các hình thức tổ chức học tập	CBQL	3	2	10	0	2,53	2,52	2
	GV	6	15	33	0	2,50		
5. Chỉ đạo đổi mới các hình thức tổ chức học tập	CBQL	1	0	14	0	2,13	2,39	5
	GV	7	22	26	0	2,65		

Thành tố “*Xây dựng kế hoạch chọn các hình thức tổ chức học tập*”, được đánh giá cao nhất xếp thứ nhất với ĐTB chung là 2,55 đạt mức 3. Trong đó, đội ngũ CBQL đánh giá đạt ĐTB là 2,47 đạt mức 3, ĐTB đánh giá đội ngũ GV là 2,64 đạt mức 3. Thành tố “*Chỉ đạo đổi mới các hình thức tổ chức học tập*”, là nội dung được đánh giá thấp nhất xếp thứ 5 với ĐTB chung là 2,39 đạt mức 3. Trong đó, đội ngũ CBQL đánh giá đạt ĐTB là 2,13 đạt mức 2, ĐTB đánh giá của đội ngũ GV là 2,65 đạt mức 3.

Để làm rõ vấn đề này, chúng tôi trao đổi với bà L.B.T, Phó Hiệu trưởng của một trường PTDTNT trên địa bàn tỉnh Bình Phước, như sau: “*Để thực hiện thành công hoạt động dạy học theo TCNL, đòi hỏi việc kết hợp đa dạng nhiều hình thức tổ chức dạy học, nhằm phát huy tính chủ động sáng tạo trong HS, đặc biệt là HS ở trường PTDTNT, thực tế, một phần đến từ năng lực đội ngũ CBQL và GV nên việc triển khai các hình thức tổ chức dạy học chưa phong phú.*”

Như vậy, qua kết quả khảo sát ở bảng 3 và kết hợp với phỏng vấn việc quản lý hình thức tổ chức học tập theo TCNL của HS ở trường PTDTNT được đánh giá chỉ đạt mức khá, thậm chí có những mục tiêu đánh giá ở mức trung bình. Vì vậy, người CBQL cần có biện pháp đổi mới hình thức tổ chức HĐHT cho HS nói chung và HS trường PTDTNT nói riêng, góp phần nâng cao chất lượng dạy học.

2.2.4. *Thực trạng quản lý kiểm tra đánh giá kết quả học tập theo tiếp cận năng lực của học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú ở tỉnh Bình Phước*

Bảng 4. Đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh về thực trạng quản lý kiểm tra đánh giá kết quả học tập theo tiếp cận năng lực

Nội dung	Khách thể	Kết quả thực hiện				ĐTB chung	Thứ bậc
		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu		
1. Xây dựng kế hoạch kiểm tra đánh giá HĐHT của HS	CBQL	1	2	12	0	2,27	4
	GV	9	19	27	0	2,67	
2. Tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra, đánh giá HĐHT của HS	CBQL	2	2	11	0	2,40	1
	GV	8	23	24	0	2,71	
3. Kiểm tra, đánh giá HĐHT của HS theo TCNL	CBQL	2	2	11	0	2,40	2
	GV	8	21	26	0	2,67	
4. Giám sát công tác kiểm tra, đánh giá HĐHT của HS	CBQL	2	1	12	0	2,33	3
	GV	6	22	27	0	2,62	
5. Cải tiến, điều chỉnh công tác kiểm tra, đánh giá HĐHT của HS theo TCNL	CBQL	1	2	12	0	2,27	5
	GV	5	17	34	0	2,48	

Thành tố “*Tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra, đánh giá HĐHT của HS*”, là nội dung được đánh giá cao nhất xếp thứ nhất với ĐTB chung là 2,55 đạt mức 3. Trong đó, đội ngũ CBQL đánh giá đạt ĐTB là 2,40 đạt mức 3, ĐTB đánh giá của đội ngũ GV là 2,71 đạt mức 3. Thành tố “*Cải tiến, điều chỉnh công tác kiểm tra, đánh giá HĐHT của HS theo TCNL*”, là nội dung được đánh giá thấp nhất xếp thứ 5 với ĐTB chung là 2,37 đạt mức 3. Trong đó, đội ngũ CBQL đánh giá đạt ĐTB là 2,27 đạt mức 2, ĐTB đánh giá của đội ngũ GV là 2,48 đạt mức 3.

Để làm rõ vấn đề này chúng tôi trao đổi với ông L.D.T, Phó Hiệu trưởng của một trường PTDTNT trên địa bàn tỉnh Bình Phước, như sau: “*Quản lý kiểm tra, đánh giá HĐHT nhằm kiểm tra lại quá trình thực hiện kế hoạch, các phương pháp đánh giá, phương pháp nào hiệu quả, chưa hiệu quả nhằm phát huy tính tích cực chủ động trong HS. Thực tế, đội ngũ GV chưa xây dựng bộ tiêu chí đánh giá cụ thể cho đối tượng HS ở trường PTDTNT dẫn đến kết quả chưa cao.*”

Như vậy, qua kết quả khảo sát ở bảng 4, cùng với kết hợp phỏng vấn việc quản lý kiểm tra, đánh giá kết quả học tập theo TCNL của HS ở trường PTDTNT được đánh giá chỉ đạt mức khá, thậm chí có những mục tiêu đánh giá ở mức trung bình. Vì vậy, người CBQL cần có biện pháp đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập cho HS trường PTDTNT, góp phần phát triển giáo dục.

2.2.5. *Thực trạng quản lý điều kiện phục vụ hoạt động học tập theo tiếp cận năng lực của học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú ở tỉnh Bình Phước*

Bảng 5. Đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh về thực trạng quản lý điều kiện phục vụ hoạt động học tập theo tiếp cận năng lực

Nội dung	Khách thể	Kết quả thực hiện				ĐTB	ĐTB chung	Thứ bậc
		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu			
1. Xây dựng kế hoạch quản lý các điều kiện phục vụ HĐHT	CBQL	2	2	11	0	2,40	2,52	1
	GV	9	17	29	0	2,64		
2. Tổ chức rà soát các điều kiện phục vụ HĐHT	CBQL	2	1	12	0	2,33	2,51	3
	GV	8	22	25	0	2,69		
3. Chỉ đạo thực hiện sửa chữa, mua mới các phương tiện, điều kiện phục vụ HĐHT	CBQL	2	2	11	0	2,40	2,48	4
	GV	6	19	30	0	2,56		
4. Kiểm tra, đánh giá các điều kiện phục vụ HĐHT	CBQL	3	2	10	0	2,53	2,52	2
	GV	6	15	33	0	2,50		

Thành tố “*Xây dựng kế hoạch quản lý các điều kiện phục vụ HĐHT*”, là nội dung được đánh giá cao nhất xếp thứ nhất với ĐTB chung là 2,52 đạt mức 3. Trong đó, đội ngũ CBQL đánh giá đạt ĐTB là 2,40 đạt mức 3, ĐTB đánh giá của đội ngũ GV là 2,64 đạt mức 3. Thành tố “*Chỉ đạo thực hiện sửa chữa, mua mới các phương tiện, điều kiện phục vụ HĐHT*”, là nội dung được đánh giá thấp nhất xếp thứ 4 với ĐTB chung là 2,48 đạt mức 3. Trong đó, đội ngũ CBQL đánh giá đạt ĐTB là 2,40 đạt mức 2, ĐTB đánh giá của đội ngũ GV là 2,56 đạt mức 3.

Để làm rõ vấn đề này, chúng tôi trao đổi với bà L.B.T, Phó Hiệu trưởng của một trường PTDTNT trên địa bàn tỉnh Bình Phước, như sau: “Ngay từ đầu năm học, căn cứ vào nhu cầu trang thiết bị phục vụ cho Chương trình GDPT 2018 nói riêng và nhu cầu trang thiết bị phục vụ hoạt động dạy học của nhà trường, học tập giao cho thầy hiệu phó thực hiện xây dựng kế hoạch trang bị mua sắm phục vụ hoạt động dạy học, nhưng thực tế nhà trường chưa có CBQL vận hành khai thác, cũng như làm công tác quản lý, dẫn đến việc khai thác chỉ ở mức khiêm tốn.”

Như vậy, qua kết quả khảo sát ở Bảng 5, kết hợp với phỏng vấn việc quản lý điều kiện phục vụ HĐHT theo TCNL của HS ở trường PTDTNT được đánh giá chỉ đạt mức khá, thậm chí có những mục tiêu đánh giá ở mức trung bình. Vì vậy, người CBQL cần có biện pháp tăng cường đầu tư trang thiết bị phục vụ học tập, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động dạy học theo TCNL cho HS ở trường PTDTNT.

2.2.6. *Đánh giá chung về quản lý hoạt động học tập của học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú ở tỉnh Bình Phước*

a. Mặt mạnh

Một là, đa số CBQL, GV và HS các trường PTDTNT ở tỉnh Bình Phước có nhận thức đúng đắn về sự cần thiết phải chuyển sang HĐHT theo TCNL của HS ở các trường PTDTNT trong bối cảnh đổi mới Chương trình GDPT hiện nay.

Hai là, trong những năm gần đây, một số chủ thể quản lý bước đầu đã được bồi dưỡng nâng cao trình độ tổ chức HĐHT theo TCNL bằng nhiều hình thức như: tập huấn chung, tổ chức các lớp bồi dưỡng ngắn hạn, tham gia hội đồng bộ môn của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Ba là, các trường PTDTNT được thụ hưởng một số chế độ đối với loại hình trường PTDTNT và dự bị đại học theo Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT/BTC-BGDĐT ngày 29 tháng 5 năm 2009 của liên Bộ Tài chính và Bộ Giáo dục và Đào tạo. Do vậy, bước đầu các trường đã được đầu tư trang bị cơ sở vật chất, thiết bị công nghệ thông tin phục vụ hoạt động tổ chức dạy và học; đồng thời, môi trường, cảnh quang, ký túc xá nội trú đã được tỉnh Bình Phước quan tâm cải tạo, đáp ứng cho hoạt động của nhà trường nói chung và sinh hoạt, học tập của HS nói riêng.

b. Mặt yếu, hạn chế

Thứ nhất, năng lực thực hiện nhiệm vụ học tập của chủ thể học tập là HS các trường PTDTNT ở tỉnh Bình Phước còn nhiều biểu hiện chưa đáp ứng theo mục tiêu, nhiệm vụ học tập đề ra. Đặc biệt, HS các trường PTDTNT ở tỉnh Bình Phước chưa xác định rõ động cơ, mục đích học tập; chưa có đam mê và sáng tạo; còn ngại đổi mới và còn né tránh. Từ đó, chúng tôi cho rằng, điểm yếu nhất là các trường PTDTNT ở tỉnh Bình Phước chưa đạt được mục tiêu quản lý HĐHT theo TCNL của HS.

Thứ hai, đặc điểm nổi bật của HS các trường PTDTNT ở tỉnh Bình Phước là khả năng tư duy bằng trực quan - hình ảnh; các em ưa thích lối tư duy với sự vật, hình ảnh cụ thể gắn gũi với đời sống của mình. Tuy nhiên, các em dễ thừa nhận điều người khác nói, ít đi sâu tìm hiểu nguyên nhân cũng như diễn biến và hậu quả của sự vật, hiện tượng. Do vậy, năng lực phân tích, tổng hợp và khái quát hóa ở các em còn hạn chế, thiếu toàn diện, khả năng thay đổi hình thức học tập cho phù hợp với hoàn cảnh còn chậm. Từ đó, dẫn đến HS các trường PTDTNT ở tỉnh Bình Phước chưa chủ động, chưa tích cực trong học tập và rèn luyện; chưa có ý thức tự học, học có tính chất đối phó, ỷ lại; chưa có các kỹ năng tự học cần thiết và còn thụ động trong học tập.

Thứ ba, về yếu tố quản lý, vẫn còn một bộ phận CBQL, GV nhận thức chưa đúng về vị trí, vai trò, nội dung và các kỹ năng cần thiết của HĐHT theo TCNL; đồng thời, năng lực quản lý của các chủ thể tham gia quản lý HĐHT các trường PTDTNT ở tỉnh Bình Phước chưa theo kịp sự đổi mới giáo dục hiện nay; Cụ thể: (i) Một số CBQL, GV chưa nắm vững quy trình xây dựng kế hoạch học tập và thiết kế bài giảng để tổ chức dạy và học theo TCNL, chưa khai thác tối đa những tiện ích của công nghệ; (ii) Việc bồi dưỡng các chủ thể quản lý HĐHT theo hướng phát triển năng lực các trường có tiến hành nhưng hiệu quả chưa cao; (iii) Kiểm tra, đánh giá HĐHT theo TCNL chưa quyết liệt, sau kiểm tra chưa có các biện pháp khắc phục những tồn tại, yếu kém; đồng thời, sự động viên khuyến khích chưa kịp thời, nên chưa thúc đẩy được HĐHT theo TCNL.

Thứ tư, các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị,... đảm bảo phục vụ tốt cho nhiệm vụ HĐHT, là điều kiện rất quan trọng, không thể thiếu được nhằm để HĐHT của HS diễn ra có chất lượng và hiệu quả cao. Tuy nhiên, đánh giá thực trạng cho thấy: công tác quản lý về các điều kiện phục vụ HĐHT của HS các trường PTDTNT ở tỉnh Bình Phước chưa đáp ứng; đồng thời, các cấp

quản lý chưa huy động được tổng thể các nguồn lực của các tổ chức xã hội; GV quản sinh chưa phát huy hết vai trò quản sinh trong các hoạt động của HS ngoài giờ lên lớp.

c. Nguyên nhân của hạn chế

Thứ nhất, có một bộ phận không nhỏ HS các trường PTDTNT ở tỉnh Bình Phước còn mơ hồ về động cơ học tập, các em chưa hiểu vì sao phải học? Giá trị của việc học? Vì vậy, các em thường lơ là, hay có thái độ đối phó trong quá trình học tập. Cá biệt, có số ít HS đến trường chỉ mong muốn được hưởng chế độ chính sách ưu đãi của nhà nước về kinh tế mà không quan tâm đến việc học. Đây là một trong những rào cản không nhỏ đến công tác quản lý, công tác giáo dục HS theo học tại các trường PTDTNT ở tỉnh Bình Phước.

Thứ hai, các trường PTDTNT ở tỉnh Bình Phước trong quá trình tổ chức, chỉ đạo của hoạt động quản lý chưa có sự phân vai, phân chia trách nhiệm cụ thể đối với các đơn vị, tổ chức và cá nhân tham gia công tác quản lý HĐHT của HS ở trường PTDTNT; đồng thời, vẫn còn xuất hiện một số chủ thể trong công tác quản lý HĐHT của HS ở trường PTDTNT theo hướng TCNL còn cứng nhắc, chưa phát huy và khơi dậy tính chủ động, tích cực.

3. Kết luận

Trường PTDTNT là một thiết chế giáo dục đặc biệt dành cho con em đồng bào các dân tộc thiểu số. Nơi đây phải làm tốt việc hình thành, phát triển nhân cách con người. Trong đó, việc quản lý HĐHT của HS các trường PTDTNT là một nhiệm vụ hết sức quan trọng, là phải xây dựng tốt công tác giáo dục, nuôi dưỡng, ăn ở, sinh hoạt mọi mặt cho HS sao cho “HS coi trường là nhà, thầy cô là cha mẹ”. Từ mái trường này, HS phải được an toàn, yên vui và trưởng thành về trí tuệ, thể chất, nhân cách, thẩm mỹ, nhất là kỹ năng ứng xử với mọi người xung quanh... Với những vấn đề trên, công tác quản lý HĐHT của HS các trường PTDTNT của tỉnh Bình Phước luôn đóng vai trò quan trọng nhằm xây dựng một nguồn nhân lực có chất lượng cao, là yếu tố then chốt, có ý nghĩa quyết định, vừa là yêu cầu vừa là động lực cho sự phát triển của tỉnh nhà.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu được hỗ trợ bởi đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia (NAFOSTED), mã số: NCUD.05-2022.16.

Tài liệu tham khảo

Ban Chấp hành Trung ương. (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.*

Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 về việc ban hành Chương trình giáo dục phổ thông.*

Chính phủ. (2015). *Nghị định số 49/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 134/2006/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ quy định Chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.*

Cổng Thông tin điện tử tỉnh Bình Phước. (2023). Tổng quan về Bình Phước. Truy cập từ <https://binhphuoc.gov.vn/vi/about/Tong-Quan-Binh-Phuoc.html>.

- Nguyễn Văn Đệ và Phạm Minh Hùng. (2013). *Giáo trình phương pháp nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục*. Hà Nội: NXB Giáo dục Việt Nam.
- Thiều Văn Nam. (2020). Đổi mới quản lý hoạt động học tập học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú của tỉnh Kiên Giang theo hướng tiếp cận năng lực người học. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 35(11), 53-59.
- Thủ tướng Chính phủ. (2009). *Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2009 về việc phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”*.
- Thủ tướng Chính phủ. (2013). *Quyết định 449/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2013 về việc phê duyệt Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020*.